TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2059/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/12/2020
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Bà Nguyễn Thị Kim Yến

2/. Bà Nguyễn Thanh Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Trường là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1923/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 603/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 282/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T.

Địa chỉ thường trú: Thôn X, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: Số Y, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt ngày 03/9/2020).

Bị đơn: Ông K.

Địa chỉ thường trú: Thôn X, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ tạm trú: Số Y, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 08 tháng 8 năm 2019, bản khai và các biên bản lập tại Tòa án, nguyên đơn bà T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông K quen biết nhau do tự nguyện, có đám cưới và đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 19/11/1993 do Ủy ban nhân dân xã Kim An, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây cấp.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là trẻ X (nam) (sinh ngày 30/10/1994) (đã thành niên, hiện sống riêng cùng với vợ, con ở Hà Nội) và trẻ L (nữ) (sinh ngày 06/12/2002), trẻ L đang sống chung với bà T.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Ông K gây nợ, không phụ giúp kinh tế, chăm sóc vợ con và không chung thủy trong cuộc sống. Năm 2019 ông K đã chung sống với người phụ nữ khác ở Đắc Lắc.

Vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay. Việc bà T nộp đơn xin ly hôn với ông K, ông K đã biết nhưng không chịu lên Tòa để giải quyết việc ly hôn với bà T. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau tại số nhà Y, Đường Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh có gây gỗ, cải vã nhiều lần nhưng vợ chồng không có yêu cầu Tổ trưởng dân phố, Ủy ban nhân dân phường 26 và công an Phường 26 quận Bình Thạnh hòa giải cho vợ chồng bà T, ông K.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắng đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K để rõ ràng về pháp lý.

Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi trẻ L. Riêng X đã thành niên, đã có vợ con sống riêng nên việc muốn sống với cha hay mẹ do X quyết định.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông K: Vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh - Bà Dương Thị Diễm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn và tình trạng hôn nhân giữa của nguyên đơn và bị đơn như sau:

Theo kết quả cung cấp tài liệu, chứng cứ của Công an Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 04/12/2019 như sau: "Đương sự K, sinh năm 1972 có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã Kim An, huyện Thanh Oai, Hà Nội. Trước đây, có đăng ký tạm trú tại số nhà Y Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, từ tháng 3/2019 đến nay không thường xuyên ở địa chỉ trên".

Theo kết quả cung tài liệu, chứng cứ của Ủy ban nhân dân Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 08/02/2020 như sau: "Trong thời gian chung sống tại địa chỉ số Y, Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, quận Bình Thạnh, không phát hiện mâu thuẫn cãi vã gì đến mức Công an Phường 26, Cảnh sát khu vực, tổ dân phố phải giải quyết. Bà T và ông K có 02 người con chung là X **(**sinh 1994) (đã có gia đình ở quê) và L (sinh 2002) ở cùng với mẹ".

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông K tại địa chỉ tạm trú nêu trên. Tuy nhiên, trong cả hai lần Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và hai lần mở phiên tòa, ông K đều vắng mặt không rõ lý do. Ông K cũng không có ý kiến bằng văn bản về việc bà T xin ly hôn với ông K, về con chung và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung.

Do ông K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và xét xử, bà T đã có bản khai tại Tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 03/9/2020. Căn cứ Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà T và bị đơn ông K chung sống trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn, bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về pháp luật nội dụng

- Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông K:

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa bà T và ông K là do kinh tế gia đình gặp khó khăn. Ông K không chung thủy, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng không chia sẻ với nhau trong cuộc sống, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông K lên tòa để hòa giải hàn gắng tình cảm vợ chồng nhưng ông K đều vắng mặt, ông K không có thiện chí để đoàn tụ với bà T. Xét thấy cuộc sống chung giữa bà T và ông K không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, có duy trì hôn nhân cũng chỉ là hình thức. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại Phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông K.

- Xét yêu cầu của bà T yêu cầu được nuôi trẻ L (nữ) (sinh ngày 06/12/2002), không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con:

Hiện nay bà T buôn bán tự do, đủ sức nuôi trẻ L nên không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con và theo Bản ghi nhận ý kiến ngày 31/10/2019 của trẻ L thì trẻ L muốn được sống với bà T.

Tuy nhiên trong suốt quá trình giải việc ly hôn, trẻ L (nữ) (sinh ngày 06/12/2002) chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi) nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/12/2020) thì trẻ L đã thành niên nên trẻ L muốn sống với cha hay mẹ là do trẻ L quyết định, Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn trẻ X (nam) (sinh ngày 30/10/1994) đã thành niên (đã có gia đình riêng vợ, con) muốn sống chung với cha hay mẹ do con chung quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), bà T chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm a, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tuyết.

Bà T được ly hôn với ông K (Giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyển số 01 ngày 19/11/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Kim An, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Tây cấp không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Trẻ L (nữ) (sinh ngày 06/12/2002) và trẻ X (nam) (sinh ngày 30/10/1994) đã thành niên muốn sống với cha hay mẹ do con chung quyết định nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà T chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là

300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0021934 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Xã Kim An, huyện Thanh Oai, TP Hà Tây;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Mỹ Hạnh

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Thái Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- CCTHADS Q. Bình Thạnh;
- UBND Xả Kim An, huyện Thanh Oai, TP Hà Tây;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Mỹ Hạnh